

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày: 12 – 4 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Phước Cường;
- Bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường phường đội, khóm Vĩnh Chánh 1, phường Vĩnh Nguơn, thành phố C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Thanh D, sinh ngày 08/02/1992, nơi sinh: C – An Giang; nghề nghiệp: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 234, tổ 04, khóm 8, phường P, thành phố C, tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh Hải (đã chết) và bà Dương Kim L, sinh năm 1963; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Kim L, sinh năm 1963, địa chỉ nơi cư trú: Tổ 04, khóm 8, phường P, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người tham gia tố tụng khác:

- Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ 07, khóm Châu Thơi 1, phường Châu Phú B, thành phố C, tỉnh An Giang.
- Bà Nguyễn Thị Thiên N, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ 04, khóm 8,

phường P, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà L; ông H và chị N vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 20/9/2021, lực lượng phối hợp Công an thành phố C và Công an phường Châu Phú B, thành phố C, trên đường tuần tra, đến đường Tân Lộ Kiều Lương, thuộc tổ 09, khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố C phát hiện Lê Thanh D điều khiển xe mô tô biển số 54Y7-1610, có biểu hiện nghi vấn, lực lượng Công an yêu cầu dừng xe, D liền ném 01 túi nhựa màu trắng được dán băng keo, bên trong có 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa, viền màu xanh, chứa tinh thể màu trắng, cầm ở tay trái, lượn xuống đường, bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng; D khai là ma túy đá, mua lại của người phụ nữ tên Phương (không rõ lai lịch) tại khu vực khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố C giá 200.000 đồng, đem bán cho người thanh niên tên Hoài (không rõ lai lịch) tại khu vực bên đồ chợ cá C thuộc khóm 5, phường P, thành phố C, tỉnh An Giang để kiếm lời tiêu xài và sử dụng ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nhựa được dán băng keo, bên trong có 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa, viền màu xanh, chứa tinh thể màu trắng (giám định ma túy Methamphetamine); 01 hộp điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung và 01 xe mô tô biển số 54Y7-1610.

Kết luận giám định số: 269/KLGT-PC09 (MT) ngày 22/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,3073gam.

Ngày 27/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh tạm giữ, tạm giam đối với Lê Thanh D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Cáo trạng số 18/CT-VKSCĐ-HS ngày 02/3/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố Lê Thanh D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (gọi chung Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo D khai: bản thân đã nghiện ma túy, do cần có tiền để tiêu xài và có ma túy sử dụng, nên từ khoảng tháng 4 năm 2021, bị cáo bắt đầu tham gia mua bán ma túy cho người nghiện; nguồn ma túy có được do bị cáo mua của người tên Phương, cụ thể bị cáo đã bán cho Tín được 04 lần và N 02 lần, đến lần thứ năm trong lúc đem bán ma túy cho Tín, thì bị bắt quả tang; bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, khung hình phạt; trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai những người làm chứng, cũng như vật chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người thành niên, đã thực hiện hành vi nhiều lần mua bán ma túy cho các đối tượng nghiện. Do đó, Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Lê Thanh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ pháp luật;

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú những lần phạm tội trước; bị cáo ý thức được việc thực hiện nghĩa vụ quân sự là trách nhiệm, nghĩa vụ, sẵn sàng tham gia nhập ngũ. Nên, nhận thấy bị cáo đủ điều kiện được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: “*Người phạm tội tự thú; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác*” quy định tại điểm r, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s, v khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 251, xử phạt bị cáo D từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng;

Về biện pháp tư pháp: áp dụng các Điều 46; 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: buộc bị cáo nộp số tiền 450.000 đồng sung ngân sách nhà nước; Tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định; Tịch thu sung ngân sách nhà nước điện thoại di động Sam sung; Trả lại xe mô tô biển số 54Y- 1610 cho bà L;

Đối với việc bị cáo đã vi phạm ra đường thời gian đang thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CP ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp;

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm; quy định nghĩa vụ, trách nhiệm thi hành án; quy định quyền kháng cáo của bị cáo theo luật định.

Đối với người tên Phụng, là người bị cáo mua ma túy để bán lại kiếm lời, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố C tội phạm thực hiện thuộc trường hợp có khung hình phạt dưới 15 năm tù theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

[2] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Đối với việc vắng mặt những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra vụ án, đã thu thập được lời khai của những người này và chủ tọa phiên tòa đã công bố các lời khai của những người vắng mặt nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo với lời khai của người chứng kiến bắt người phạm tội quả tang, người liên quan, cùng những tài liệu, chứng cứ khác, do Cơ quan Điều tra thu thập trong quá trình điều tra là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức bán, loại ma túy và giá tiền mà bị cáo đã bán ma túy, số tiền thu lợi bất chính là phù hợp nhau. Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập được thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định số 269/KLGT-PC09 (MT) ngày 22/9/2021 của Phòng Kỹ Thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó, có cơ sở xác định trong khoảng thời gian 11 giờ 40 phút ngày 20/9/2021, bị cáo D đã có hành vi đem ma túy đi bán cho người nghiện bị bắt quả tang. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bị cáo nhận thức được hành vi mua bán ma túy là trái với quy định của pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, bằng việc nhiều lần bán ma túy cho nhiều người (N, Tín) đến lần thứ năm bị bắt. Vì vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố là có căn cứ pháp luật.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm

các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện, nhằm tạo điều kiện để bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi phạm tội của mình, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của Kiểm Sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[5] Xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú những lần phạm tội trước; thuộc thành phần nhân dân lao động; học lực thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; là bộ đội xuất ngũ (nghĩa vụ công dân); Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D như quan điểm của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở;

[7] Xử lý vật chứng:

- Ma túy là vật chứng đã thu giữ trong vụ án là vật cấm lưu hành do Nhà nước độc quyền quản lý, hiện không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy;

- Điện thoại di động là vật chứng. có liên quan trực tiếp đến việc bị cáo trao đổi, liên lạc trong việc mua bán ma túy. Xét tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Xe mô tô biển số 54Y-1610, bị cáo mượn của bà L. Tuy nhiên, bà L hoàn toàn không biết bị cáo sử dụng vào việc mua bán ma túy. Xét trả lại cho bà L;

[8] Những vấn đề khác:

Trong quá trình mua bán ma túy, có đủ cơ sở xác định bị cáo D đã thu lợi bất chính số tiền 450.000 đồng. Xét thấy, cần thiết phải buộc bị cáo nộp lại số tiền này sung quỹ nhà nước như quan điểm của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật;

Đối với người tên Phụng, mà bị cáo cho rằng là người đã mua ma túy để bán lại, Cơ quan Điều tra Công an thành phố C tiếp tục xác minh điều tra làm rõ xử lý sau;

Đối với Tín và N là hai người đã mua ma túy của bị cáo D để sử dụng, tuy chưa đến mức xử lý, nhưng cần giáo dục tại phiên tòa;

Đối với việc bị cáo ra đường trong thời gian cả nước đang giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CP ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Cơ quan Công an đã đề nghị xử lý hành chính là phù hợp;

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2, 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Lê Thanh D phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh D 07 (bảy) năm tù;.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/9/2021 (*ngày hai mươi, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; đồng thời buộc bị cáo nộp lại số tiền 450.000 (*Bốn trăm năm mươi ngàn*) đồng thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước;

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01(một) phong bì niêm phong ghi số 269/KLGT-PC099MT) ngày 22/9/2021 có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà và Nguyễn Văn Ấy;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng hồng (màng hình bị bể); model: SM-G532G/DS; số omei 1: 354072/09/702355/1, imei 2: 354072/09/70355/9 cùng sim mopiphone số 8401, 2002, 9213, 7875 (điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong);

- Trả lại xe mô tô lốc máy số hiệu ToXic, màu xanh nhót, biển kiểm soát: 54Y-1610, số máy 00004169, số khung 04169, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong (theo tra cứu xe màu đỏ, không nhãn hiệu) cho bà Dương Kim L;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Thanh D phải chịu 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Kim L là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đức